

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 31 – 8 – 2020
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yến Ly**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Dương Thị Tú Phương**

2. Ông **Trần Văn Phước**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2020/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Lê Quốc Th**, sinh năm 1980; Địa chỉ: ấp A, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Có mặt)*

2. *Bị đơn:* Chị **Đỗ Chúc L** (Tên gọi khác: Út Lớn), sinh năm 1991; HKTT: ấp A, xã V, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. Chỗ ở hiện nay: ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 02 năm 2020, lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Lê Quốc Th trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị L có tổ chức đám cưới và tự nguyện sống chung từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/12/2010. Anh và chị L đã ly thân từ khoảng tháng 12/2019 đến nay do mâu thuẫn, không còn tình cảm. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh và chị L có 02 người con chung là Lê Quốc T, sinh ngày 01/01/2011 và Lê Quốc T1, sinh ngày 30/12/2016, hiện đang sống với anh. Anh

yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai người con chung và yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Tại phiên tòa bị đơn chị Đỗ Chúc L trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị thống nhất thời gian sống chung, đăng ký kết hôn và ly thân như anh Th trình bày. Nay anh Th yêu cầu L hôn thì chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Th có 02 người con chung như anh Th trình bày là đúng. Khi L hôn chị đồng ý con chung theo ai thì người đó nuôi dưỡng nhưng chị không đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của anh Th vì chị không có khả năng cấp dưỡng.

Về tài sản: Chị thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:***

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: xét thấy anh Th và chị L có đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân giữa anh Th và chị L là hợp pháp. Tại phiên tòa, chị L đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Th. Căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của anh Th được ly hôn với chị L.

+ Về con chung: Tiếp tục giao cháu Lê Quốc T, sinh ngày 01/01/2011 và Lê Quốc T1, sinh ngày 30/12/2016 cho anh Th được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

+ Về cấp dưỡng: Căn cứ khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, buộc chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu T, cháu T1 số tiền 745.000/tháng/cháu kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu T, cháu T1 tròn 18 tuổi.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: Anh Th phải chịu 300.000 đồng. Chị L phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Anh Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị L, chị L đang cư trú trên địa bàn huyện P nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Th và chị L tự nguyện sống chung từ năm 2010 và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định nên hôn nhân giữa anh Th và chị L là hợp pháp. Tuy nhiên anh Th và chị L đã ly thân từ tháng 12/2019 đến nay, theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau nhưng anh Th và chị L không sống chung với nhau mà hai bên không có hành động gì để hàn gắn quan hệ hôn nhân. Mặt khác tại phiên tòa, chị L đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Th. Từ đó cho thấy hôn nhân của anh Th và chị L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Th được ly hôn với chị L.

[4] Về con chung: Tại phiên tòa anh Th và chị L thống nhất có 02 người con chung là Lê Quốc T, sinh ngày 01/01/2011 và Lê Quốc T1, sinh ngày 30/12/2016, hiện đang sống với anh Th. Anh Th yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai người con chung, chị L đồng ý con theo ai người đó nuôi. Xét thấy, từ khi ly thân cho đến nay cháu T và cháu T1 sống cùng với anh Th nên đã quen với lối sống, sinh hoạt cùng với anh Th. Chị L xác định hiện cháu T và cháu T1 phát triển tốt, anh Th có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Mặt khác, tại biên bản lấy ý kiến ngày 07/8/2020 cháu T có nguyện vọng muốn sống chung với anh Th. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của cháu T và cháu T1, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Th: Giao cháu Lê Quốc T, sinh ngày 01/01/2011 và Lê Quốc T1, sinh ngày 30/12/2016 cho anh Th được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng: Xét thấy theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con”*. Chị L không trực tiếp nuôi con nhưng chị L không đồng ý cấp dưỡng nuôi con với lý do chị L không có khả năng cấp dưỡng là không có căn cứ để được chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Th: Buộc chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Lê Quốc T, sinh ngày 01/01/2011 và Lê Quốc T1, sinh ngày 30/12/2016 theo phương thức cấp dưỡng hàng tháng với mức cấp dưỡng là 745.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi cháu T, cháu T1 tròn 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng T1 từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31/8/2020).

[6] Về tài sản chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Anh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Chị L phải chịu án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 19, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Lê Quốc Th được ly hôn với chị Đỗ Chúc L.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Quốc T, sinh ngày 01/01/2011 và cháu Lê Quốc T1, sinh ngày 30/12/2016 cho anh Lê Quốc Th được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Đỗ Chúc L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Buộc chị Đỗ Chúc L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Lê Quốc T, sinh ngày 01/01/2011 và cháu Lê Quốc T1, sinh ngày 30/12/2016 theo phương thức cấp dưỡng hàng tháng với mức cấp dưỡng là 745.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi cháu T, cháu T1 tròn 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng T1 từ ngày 31/8/2020.

3. Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Lê Quốc Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án L hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng. Anh Th đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004698 ngày 03/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được chuyển sang thu án phí.

Chị Đỗ Chúc L phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yến Ly